

Bản án số: 40/2019/HNGĐ-ST
Ngày 02-8-2019
“V/v Ly hôn giữa chị N
và anh T”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HUNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tống Xuân Tú
2. Bà Trần Thị Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Trường là thư ký Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Lâm – Kiểm sát viên.

Ngày 02-8-2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 143/2019/TLST - HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị N, sinh năm 1976, (có mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu Đ, thị trấn H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

Địa chỉ nơi ở: Khu T, thị trấn H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

Bị đơn: Anh Lê Công T, sinh năm 1974, (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu Đ, thị trấn H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Trần Thị N trình bày: Chị với anh Lê Công T kết hôn với nhau do đôi bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại trụ sở UBND thị trấn H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình vào năm 1995, giấy đăng ký kết hôn chị đã làm mất. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, nguyên nhân do anh T nghiện rượu, cờ bạc, không chịu lao động để chăm lo cuộc sống gia đình, anh T lại luôn chửi bới, đánh đập và hành hạ

chị. Do không khắc phục được mâu thuẫn nên vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2014 đến nay. Năm 2015 chị đã khởi kiện ra Tòa án xin ly hôn anh T, như vì con thứ hai còn nhỏ, lại bị bệnh, anh T đe dọa nếu chị ly hôn sẽ đưa con thứ hai đi xa nên chị đã phải rút đơn khởi kiện. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị với anh T không còn, chị đề nghị Tòa án nhân dân (viết tắt TAND) huyện Hưng Hà giải quyết cho chị được ly hôn anh T. Chị và anh T có 02 con chung là Lê Thị Vân A, sinh ngày 25-01-1997 và Lê Phú T, sinh ngày 20-12-2006. Cháu Vân Anh đến nay đã trưởng thành nên không phải giải quyết trách nhiệm nuôi dưỡng, cháu Lê Phú T hiện do chị đang trực tiếp nuôi dưỡng. Nếu vợ chồng ly hôn, chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Phú T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con cùng chị. Chị và anh T không có tài sản chung, không vay nợ gì ai.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 18-6-2019, bị đơn anh Lê Công T trình bày: Anh và chị Trần Thị N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình vào năm 1995. Quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp nhau. Năm 2015 chị N đã khởi kiện xin ly hôn anh, vì thương các con nên vợ chồng lại về đoàn tụ, nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2015 đến nay. Nay anh xác định vợ chồng anh không thể đoàn tụ được nữa, anh đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn giữa anh và chị N. Anh và chị N có 02 con chung là Lê Thị Vân A, sinh ngày 25-01-1997 và Lê Phú T, sinh ngày 20-12-2006, đến nay cháu Vân Anh đã trưởng thành nên không phải giải quyết trách nhiệm nuôi dưỡng, nếu vợ chồng ly hôn, anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Phú T. Về tài sản chung anh và chị N tự phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì lý do sức khỏe yếu và công việc bận nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt anh.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; Điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Xử cho chị N được ly hôn anh T; giao con chung Lê Phú T, sinh ngày 20-12-2006 cho chị N trực tiếp nuôi, chấp nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con cùng chị; về chia tài sản: Không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà nhận định:

[2] Chị Trần Thị N khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh Lê Công T, anh T cư trú tại: Khu Đồng Tu, thị trấn H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình. Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

[3] Tại Biên bản lấy lời khai ngày 18-6-2019 đối với anh Lê Công T, anh T đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh vì lý do sức khỏe yếu và công việc bận, vì vậy Tòa án mở phiên tòa xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] *Về hôn nhân:* Chị N và anh T đều không cung cấp được giấy đăng ký kết hôn do đã làm mất, tuy nhiên căn cứ vào xác nhận của UBND thị trấn H về việc chị N và anh T có đăng ký kết hôn vào năm 1995, nhưng do sổ đăng ký kết hôn lưu tại UBND thị trấn H đã bị thất lạc nên không xác định được cụ thể ngày tháng đăng ký kết hôn. Vì vậy cần xác định chị N và anh T có đăng ký kết hôn vào năm 1995 và là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn và đã sống ly thân nhau từ năm 2014 đến nay, nay cả chị N và anh T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và nhất trí ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cần xử cho ly hôn giữa chị N và anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] *Về nuôi con chung:* Chị N và anh T có 02 con chung là Lê Thị Vân A, sinh ngày 25-01-1997 và Lê Phú T, sinh ngày 20-12-2006. Cháu Vân Anh đã trưởng thành nên không phải giải quyết trách nhiệm nuôi dưỡng, cháu Lê Phú T hiện đang do chị N nuôi dưỡng, cháu Trọng cũng có nguyện vọng được ở với mẹ, vì vậy cần giao cháu Trọng cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con cùng chị là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình

[6] *Về chia tài sản:* Chị N trình bày vợ chồng không có tài sản chung, anh T trình bày vợ chồng tự phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do không có yêu cầu về phân chia tài sản nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[7] *Về án phí:* Chị N phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. **Về hôn nhân:** Cho ly hôn giữa chị Trần Thị N và anh Lê Công T.
2. **Về nuôi con chung:** Giao con chung là Lê Phú T, sinh ngày 20-12-2006 cho chị Trần Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh Lê Công T cấp dưỡng nuôi con cùng chị. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.
3. **Về chia tài sản:** Không xem xét giải quyết.
4. **Về án phí:** Chị Trần Thị N phải chịu 300.000đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng chị N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0005601 ngày 30-5-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, chị N đã nộp đủ tiền án phí.
5. Chị Trần Thị N có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Lê Công T vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Đương sự
- VKSND huyện Hưng Hà;
- Chi cục THA huyện Hưng Hà;
- UBND thị trấn H;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Mạnh Hà

